

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án “Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất”;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất;

Căn cứ Công văn số 4450/SXD-QLXD ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo

lượng vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất;

Xét đề nghị của Liên đoàn Vật lý Địa chất tại Tờ trình số 48/TTr-VLDC ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất” và các hồ sơ liên quan kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất.

2. Mã số thông tin công trình: Cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ khởi tạo khi thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Hùng Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chủ đầu tư: Liên đoàn Vật lý Địa chất.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở: Công ty cổ phần Tư vấn V-Archi and Partners; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN – 00055847 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 4 năm 2023.

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng:

+ Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng DNG; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN – 00073275 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2023.

+ Công ty TNHH trắc địa TMT; Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số 00617 do Cục đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 04 tháng 11 năm 2020.

- Tổ chức lập thiết kế phòng cháy chữa cháy: Công ty cổ phần thương mại công nghệ và thiết bị an toàn Tứ Linh (Giấy phép hoạt động số 92/GXN-PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC và CN,CH Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2020).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm C; công trình dân dụng, cấp III; thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam.

8. Mục tiêu dự án: Hoàn thiện và nâng cao cơ sở hạ tầng kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Nhà làm việc: Cao 01 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 383,9m²; kết cấu khung BTCT chịu lực, móng đơn BTCT, mái lợp tôn; cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc thiết kế đồng bộ theo quy định hiện hành.

9.2. Khu chứa mẫu hiệu chuẩn máy (gồm 02 nhà): Cao 01 tầng, diện tích sàn 01 nhà khoảng 119m²; kết cấu khung BTCT chịu lực, móng đơn BTCT, mái lợp tôn; cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc thiết kế đồng bộ theo quy định hiện hành.

9.3. Khu hầm chứa mẫu phóng xạ: Cao 01 tầng, có hầm chứa mẫu phóng xạ, diện tích sàn xây dựng khoảng 433,8m²; kết cấu hầm, khung BTCT chịu lực, móng đơn BTCT, mái lợp tôn; cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc thiết kế đồng bộ theo quy định hiện hành.

9.4. Nhà bảo vệ: Cao 01 tầng, diện tích khoảng 27,8m²; kết cấu khung BTCT chịu lực, móng đơn BTCT, mái lợp tôn; cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc thiết kế đồng bộ theo quy định hiện hành.

9.5. Tường rào, bể nước, trạm bơm và hạ tầng kỹ thuật đầy đủ.

Chi tiết tại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và Công văn số 4450/SXD-QLXD ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình, kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và Công văn số 4450/SXD-QLXD ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 45.000.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB:	3.507.147.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	28.543.059.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	2.292.729.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	875.487.000	đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 3.926.024.000 đồng
- Chi phí khác: 1.732.670.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 4.122.884.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 26.000.000.000 đồng; giai đoạn 2026-2030 tiếp tục bố trí hoàn thành dự án là 19.000.000.000 đồng.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Xem xét theo Công văn số 183/PTQĐ-GPMB ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức; thực hiện các nội dung theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình tại Công văn số 4450/SXD-QLXD ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khi triển khai các bước tiếp theo; lấy ý kiến của cấp có thẩm quyền về quản lý chất phóng xạ đảm bảo tính khả thi của dự án; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về hiệu quả của dự án, đảm bảo không để thất thoát lãng phí và chịu trách nhiệm toàn diện về tính đúng đắn của hồ sơ trình duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam, Liên đoàn trưởng Liên đoàn Vật lý Địa chất và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Liên đoàn Vật Lý Địa chất;
- Lưu: VT, KHTC. Tr

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án “Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý Địa chất”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Ghi chú
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB	3.507.147	
I	Chi phí xây dựng	28.543.059	
1	Nhà làm việc	2.645.336	
2	Khu hầm chứa mẫu phóng xạ	3.315.228	
3	Khu chứa mẫu hiệu chuẩn máy	1.638.606	
4	Nhà bảo vệ	124.428	
5	Bể nước, trạm bơm	1.169.070	
6	Cổng, tường rào	304.242	
7	Hạ tầng kỹ thuật	19.346.148	
II	Chi phí thiết bị	2.292.729	
III	Chi phí quản lý dự án	875.487	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.926.024	
1	Khảo sát địa hình	166.500	
2	Khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKCS	250.193	
3	Rà phá bom mìn	217.236	
4	Lập nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	343.937	
5	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	253.968	
6	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	46.624	
7	Lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	486.676	
8	Khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập BVTC	300.000	
9	Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán	815.475	
10	Thẩm tra bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công	60.797	
11	Thẩm tra dự toán xây dựng	59.370	
12	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn thiết kế BVTC-DT	8.416	

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Ghi chú
13	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát	8.230	
14	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	90.196	
15	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	8.414	
16	Giám sát xây dựng	790.643	
17	Giám sát lắp đặt thiết bị	19.315	
V	Chi phí khác	1.732.670	
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	7.402	
2	Thẩm định đồ án quy hoạch	32.631	
3	Thẩm định dự án	6.750	
4	Thẩm định cấp Giấy phép môi trường	12.540	
5	Thẩm định HSMT xây lắp	2.000	
6	Thẩm định HSMT thiết bị	2.000	
7	Thẩm định HSMT tư vấn thiết kế BVTC-DT	2.000	
8	Thẩm định HSMT tư vấn giám sát	2.000	
9	Thẩm định kết quả LCNT xây lắp	3.000	
10	Thẩm định kết quả LCNT thiết bị	3.000	
11	Thẩm định kết quả LCNT tư vấn thiết kế BVTC-DT	3.000	
12	Thẩm định kết quả LCNT tư vấn giám sát	3.000	
13	Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả LCNT	5.000	
14	Bảo hiểm công trình	570.861	
15	Kiểm toán	213.300	
16	Thẩm định thiết kế BVTC	29.322	
17	Thẩm định dự toán	28.284	
18	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	134.100	
19	Thẩm định phê duyệt PCCC	3.353	
20	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng	110.454	
21	Lập hồ sơ chuyển đổi rừng	136.235	

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Ghi chú
22	Phí trồng rừng thay thế nộp NSNN tỉnh Hòa Bình	422.440	
VI	Chi phí dự phòng	4.122.884	
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2.079.028	
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2.043.856	
	Tổng cộng:	45.000.000	